

Số: /TB-UBND

Nam Triệu, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Cải tạo, mở rộng tuyến đường
tổ dân phố Đầu Cầu đến công viên Lập Lễ trên địa bàn phường Nam Triệu**

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2024 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2028/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về Quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, mở rộng tuyến đường tổ dân phố Đầu Cầu đến công viên Lập Lễ trên địa bàn phường Nam Triệu;

Căn cứ Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án Cải tạo, mở rộng tuyến đường tổ dân phố Đầu Cầu đến công viên Lập Lễ trên địa bàn phường Nam Triệu;

Căn cứ Trích đo bản đồ địa chính số 02-2026 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng AE đo đạc ngày 25/7/2026, đơn vị kiểm tra Công ty Cổ phần Khảo sát thiết kế và dịch vụ thương mại Miền Bắc ngày 28/7/2026, được phòng Xây dựng, nông nghiệp và Môi trường xác nhận đo vẽ hiện trạng ngày 14/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu thông báo như sau:

1. Thu hồi diện tích 3645,2m² (Ba nghìn sáu trăm bốn mươi lăm phẩy hai mét vuông) đất tại phường Nam Triệu để điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Cải tạo, mở rộng tuyến đường tổ dân phố Đầu Cầu đến công viên Lập Lễ trên địa bàn phường Nam Triệu (Có Danh sách kèm theo).

Vị trí, mốc giới khu đất thu hồi theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số: 02-2026 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng AE đo đạc ngày 25/7/2026, đơn vị kiểm tra Công ty Cổ phần Khảo sát thiết kế và dịch vụ thương mại Miền Bắc ngày 28/7/2026, được phòng Xây dựng, nông nghiệp và Môi trường xác nhận đo vẽ hiện trạng ngày 14/8/2026.

(Diện tích, loại đất của từng thửa đất sẽ được xác định cụ thể trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực tế và được xác nhận theo quy định)

2. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm:

Trong thời gian dự kiến bắt đầu từ ngày 21/8/2026 đến ngày 21/9/2026.

3. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khu vực thu hồi đất có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường, các đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định

diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu thông báo để các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Người bị thu hồi đất;
- CT, PCT. Ng.T.Tuân;
- Phòng XD,NN&MT, BQLDA ĐTXD phường;
- Hội đồng BTHTTĐC Dự án;
- Các tổ chức, cá nhân liên quan;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Tuân

**DANH SÁCH TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN
DỰ ÁN CẢI TẠO, MỞ RỘNG TUYẾN ĐƯỜNG TỎ DÂN PHỐ ĐẦU CẦU ĐẾN
CÔNG VIÊN LẬP LỄ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG NAM TRIỆU**

STT	Thửa đất số	Tên tổ chức hộ gia đình cá nhân	Hiện trạng sử dụng đất		Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích ngoài chỉ giới (m2)	Ghi chú
			Diện tích (m2)	Loại đất			
1	1	NVH Đầu Cầu	1094,8	DVH	109,5	985,3	Nhà văn hóa Đầu Cầu
2	2	UBND Phường	217,4	LUC	217,4	0,0	Đất trồng lúa
3	3	UBND Phường	40,3	LUC	40,3	0,0	Đất trồng lúa
4	4	UBND Phường	49,6	LUC	49,6	0,0	Đất trồng lúa
5	5	UBND Phường	14,2	LUC	14,2	0,0	Đất trồng lúa
6	6	Đình Thị Dò	56,9	LUC	10,2	46,7	Đất trồng lúa
7	7	UBND Phường	59,4	LUC	10,8	48,6	Đất trồng lúa
8	8	UBND Phường	60,4	LUC	11,3	49,1	Đất trồng lúa
9	9	Đình Thị Hồng	80,1	LUC	6,6	73,5	Đất trồng lúa
10	10	Đình Thị Quyên	70,0	LUC	6,0	64,0	Đất trồng lúa
11	11	Đình Thị Hạnh	64,1	LUC	5,4	58,7	Đất trồng lúa
12	12	Đình Thị Đạm	48,0	LUC	3,9	44,1	Đất trồng lúa
13	13	Đình Viêt Toàn	64,0	LUC	5,4	58,6	Đất trồng lúa
14	14	Vũ Hồng Phơ	112,0	LUC	8,6	103,4	Đất trồng lúa
15	15	Đình Văn Tiến	64,0	LUC	5,0	59,0	Đất trồng lúa

16	16	Phạm Thị Ó	34,0	LUC	2,6	31,4	Đất trồng lúa
17	17	Lê Khắc Dân	112,0	LUC	8,7	103,3	Đất trồng lúa
18	18	Đinh Viết Tề (Đinh Viết Bách)	48,0	LUC	3,6	44,4	Đất trồng lúa
19	19	Vũ Văn Rốc	64,0	LUC	4,4	59,6	Đất trồng lúa
20	20	Đinh Viết Dân (Đinh Viết Ghê)	32,0	LUC	2,4	29,6	Đất trồng lúa
21	21	Đinh Thị Len (Đinh Thị Nụ)	96,0	LUC	7,0	89,0	Đất trồng lúa
22	22	Đinh Thị Dịu	16,0	LUC	1,2	14,8	Đất trồng lúa
23	23	Lê Khắc Ván	48,0	LUC	3,3	44,7	Đất trồng lúa
24	24	Đinh Thị Tầm	36,0	LUC	2,2	33,8	Đất trồng lúa
25	25	Đinh Thị Chuốt	48,0	LUC	3,4	44,6	Đất trồng lúa
26	26	Đinh Khắc Hậu (Đinh Khắc Đỏ)	140,0	LUC	9,7	130,3	Đất trồng lúa
27	27	Đinh Khắc Xứng	138,0	LUC	8,9	129,1	Đất trồng lúa
28	28	Đinh Thị Hương	160,0	LUC	10,5	149,5	Đất trồng lúa
29	29	Đinh Thị Hòa	64,0	LUC	4,2	59,8	Đất trồng lúa
30	30	Đinh Viết Phức	72,0	LUC	4,7	67,3	Đất trồng lúa
31	31	Đinh Viết Ôn	32,0	LUC	2,0	30,0	Đất trồng lúa
32	32	Đinh Thị Chin (Đinh Thị Lân)	68,0	LUC	4,0	64,0	Đất trồng lúa
33	33	Đinh Viết Thúc	140,0	LUC	8,3	131,7	Đất trồng lúa
34	34	Lê Khắc Bình	110,0	LUC	6,5	103,5	Đất trồng lúa

35	35	Lê Thị Cung	32,0	LUC	7,1	24,9	Đất trồng lúa
36	36	Phạm Khắc Hải	64,0	LUC	13,0	51,0	Đất trồng lúa
37	37	Đinh Viết Huyền	112,0	LUC	4,5	107,5	Đất trồng lúa
38	38	Vũ Văn Cự	64,0	LUC	2,3	61,7	Đất trồng lúa
39	39	Vũ Văn Ly	48,0	LUC	1,6	46,4	Đất trồng lúa
40	40	Vũ Văn Năm (Đinh Thị Kẹm)	48,0	LUC	1,6	46,4	Đất trồng lúa
41	41	Đinh Khắc Quân	68,0	LUC	2,1	65,9	Đất trồng lúa
42	42	Đinh Khắc Quyền	48,0	LUC	1,4	46,6	Đất trồng lúa
43	43	Đinh Thị Thoa	68,0	LUC	1,9	66,1	Đất trồng lúa
44	44	Đinh Khắc Tiếp	16,0	LUC	0,4	15,6	Đất trồng lúa
45	45	Vũ Thị Găng	96,0	LUC	2,6	93,4	Đất trồng lúa
46	46	Vũ Văn Tốt	86,0	LUC	2,2	83,8	Đất trồng lúa
47	47	Phạm Khắc Lương	112,0	LUC	2,7	109,3	Đất trồng lúa
48	48	Vũ Văn Dẻo	80,0	LUC	1,7	78,3	Đất trồng lúa
49	49	Đinh Khắc Thụ	80,0	LUC	1,7	78,3	Đất trồng lúa
50	50	Vũ Văn Ân	80,0	LUC	1,9	78,1	Đất trồng lúa
51	51	Đinh Khắc Thăng (Đinh Khắc Nhân)	176,0	LUC	3,3	172,7	Đất trồng lúa
52	52	Đinh Thị Mui	48,0	LUC	0,8	47,2	Đất trồng lúa
53	53	Đinh Thị Trinh	80,0	LUC	1,3	78,7	Đất trồng lúa
54	54	Đinh Thị Viên	58,0	LUC	0,9	57,1	Đất trồng lúa

55	55	Đinh Khắc Giáp	163,1	ONT	16,6	146,5	Đất có công trình nhà ở
56	56	Phạm Khắc Hải	190,0	ONT	12,0	178,0	Đất có công trình nhà ở
57	57	Đinh Thị Vĩnh	44,1	ONT	0,1	44,0	Đất có công trình nhà ở
58	58	Đinh Văn Tuyền	123,7	ONT	36,2	87,5	Đất có công trình nhà ở
59	59	Đinh Viết Hiếu	413,7	ONT+CLN	14,9	398,8	Đất có công trình nhà ở
60	60	Đinh Hữu Khá	197,0	ONT+CLN	4,8	192,2	Đất có công trình nhà ở
61	61	Nguyễn Văn Quả	435,8	ONT+CLN	15,2	420,6	Đất có công trình nhà ở
62	62	Đinh Văn Tuấn+Đinh Văn Vinh	233,1	ONT+CLN	7,7	225,4	Đất có công trình nhà ở
63	63	UBND Phường	154,3	DTL	154,3	0,0	Mương
64	64	UBND Phường	26,0	DTL	26,0	0,0	Mương
65	65	UBND Phường	2396,0	DGT	2396,0	0,0	Đường giao thông
66	66	UBND Phường	304,6	DTL	304,6	0,0	Mương
TỔNG			9698,6		3645,2	6053,4	